

Lựa chọn Mô hình của Bismarck hay Wilhelm? Sự Trỗi dậy Hòa bình và Chính sách Biển Đông của Trung Quốc

Gregory J. Moore trưởng khoa Nghiên cứu Quốc tế tại Đại học Nottingham, Ninh Ba.

Hiện nay, Trung Quốc đứng trước lựa chọn áp dụng mô hình của Otto von Bismarck - dường như là mục tiêu Bắc Kinh tuyên bố - hoặc đi theo mô hình (chủ đích hoặc không chủ đích) của một lãnh đạo người Đức khác, Kaiser Wilhelm. Theo đó, nước này theo đuổi chính sách phát triển quân sự, tìm cách mở rộng lãnh thổ và/hoặc yếu sách biển, có phần xem nhẹ những quan ngại của các nước láng giềng. Biển Đông là phép thử quan trọng, bởi những lựa chọn của Trung Quốc ở khu vực sẽ tác động tới quan hệ của nước này với các nước láng giềng và những cường quốc khác như Mỹ.

Từ khóa: Trung Quốc, Mỹ, Biển Đông, sự trỗi dậy hòa bình, các cường quốc.

Câu hỏi đặt ra với Washington và các nước láng giềng của Trung Quốc khá đơn giản: Liệu Trung Quốc trỗi dậy sẽ đi theo mô hình của Otto von Bismarck hay của Kaiser Wilhelm II? Hai nhà lãnh đạo này chịu trách nhiệm xây dựng nước Đức phát triển nhanh chóng nhưng lựa chọn con đường rất khác nhau trong chính sách đối ngoại quốc gia. Sau khi thống nhất các bang tách rời theo thể chế liên bang thành một quốc gia dân tộc mạnh mẽ và hùng cường vào năm 1871, Bismarck quản lý sự trỗi dậy của Đức, và quan trọng là không tạo cơ để các nước xung quanh thành lập một liên minh chống đối, hoặc khơi mào cho một cuộc chiến. Mặc dù các nhà hiện thực hiện đại cho rằng một cường quốc trỗi dậy sẽ dẫn tới việc hình thành một liên minh đối trọng (ở mức tối thiểu) và/ hoặc khơi mào một cuộc chiến (trong trường hợp xấu nhất), chiến lược tổng thể của Bismarck đã không dẫn đến hai kịch bản trên (Allison 2015). Eric Hobsbawm (1987, 312) từng nhận xét rằng Otto von Bismarck "thực sự là nhà vô địch thế giới trong bàn cờ ngoại giao đa phương suốt hai mươi năm kể từ sau năm 1871, [và] cống hiến hết mình, và thành công trong việc duy trì môi trường hòa bình giữa các cường quốc." Ngược lại, sau khi Kaiser Wilhelm II miễn nhiệm vai trò chính khách cấp cao của Bismarck và chỉ đạo chính sách đối ngoại của Đức vào năm 1890, ông chèo lái Đức theo hướng mở rộng sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự. Điều này đã không xoa dịu các nước láng giềng, các đối thủ cạnh tranh của Đức hoặc giúp quản lý hiệu quả hệ thống đồng minh khu vực mà người tiền nhiệm Otto von Bismarck cố gắng giữ sự cân bằng. Ông Kaiser Wilhelm II dường như cũng không cân nhắc nghiêm túc về những bất an của các nước láng giềng trước tự sự trỗi dậy nhanh chóng của Đức. Kết quả tất yếu là một cuộc chạy đua vũ trang nổ ra, đặc biệt là các nước Nga, Pháp, và Vương quốc Anh, để đối phó với chủ nghĩa đơn phương mới và việc Đức tập trung xây dựng sức mạnh quân sự và phát triển kinh tế vào đầu thế kỷ XX. Tất cả điều này, cùng với vai trò quan trọng của các cường quốc nhỏ hơn như Serbia và những cá nhân như Princip cùng vụ ám sát Arch Duke Francis Ferdinand,

làm bùng nổ Thế chiến thứ nhất vào năm 1914. Người ta có thể tự hỏi Đức, Châu Âu sẽ ra sao nếu ông Kaiser Wilhelm không điều hành chính sách đối ngoại của Đức, thay vào đó trao quyền cho một người có quan điểm giống với nhà chính khách dày dạn kinh nghiệm, Otto von Bismarck, để tiếp tục định hướng chính sách đối ngoại của Đức vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ XX.

Giống với nước Đức thời Bismarck và Wilhelm, Trung Quốc là một cường quốc đang trỗi dậy nhanh chóng, gây xáo trộn cán cân quyền lực khu vực. Như nước Đức thời kỳ đó, Trung Quốc phải đứng trước những lựa chọn về triển khai chính sách đối ngoại hiện tại và tương lai - những lựa chọn này có ảnh hưởng lớn đến hòa bình và an ninh khu vực. Biển Đông đang và sẽ là một trong những vũ đài chiến lược quan trọng nhất mà Trung Quốc phải quyết định triển khai sức mạnh trong những năm tới. Trên thực tế, giới truyền thông, và ngày càng nhiều người trong giới học giả, thảo luận về tầm quan trọng của Biển Đông trong quan hệ khu vực (Đông Á và Đông Nam Á) và mối quan hệ quốc tế. Phán quyết gần đây của Tòa Trọng tài ở The Hague trong vụ kiện của Philippines¹ chỉ rõ đây là vấn đề có tầm quan trọng quốc tế. Học giả Robert Kaplan nhận định Biển Đông đối với Trung Quốc hiện nay giống như Biển Caribê đối với Mỹ vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ XX, và Biển Đông đặt trong bối cảnh chiến lược Đông Á giống như Địa Trung Hải trong bối cảnh khu vực Cận Đông, Châu Phi, Châu Âu từ thời kỳ các thành bang Hy Lạp cho tới ngày nay, và “Biển Đông đóng vai trò quan trọng đối với tương lai địa chính trị của Trung Quốc” (2015, 20). Dù những so sánh này có điểm phù hợp nhất định, Biển Đông và bối cảnh khu vực rất khác biệt về bản chất và thời điểm thế kỷ 21, như vậy trong khi học hỏi từ quá khứ, chúng ta cần nhìn nhận đúng về Biển Đông như một hiện tượng chiến lược của thế kỷ 21. Hàm ý ở đây là các nhân tố quan trọng như Chiến lược Chống Tiếp cận, Chống Xâm nhập của Trung Quốc (theo quan điểm của Mỹ) và chiến lược Không-Hải Chiến của Mỹ, đối chọi với nhau tạo ra nguy cơ leo thang rất đáng lo ngại (Moore 2014).

Về khía cạnh chiến lược, Biển Đông rất quan trọng bởi "người ta ước tính hơn một nửa hoạt động thương mại biển của thế giới, một nửa lượng khí đốt hóa lỏng và một phần ba lượng dầu thô toàn cầu vận chuyển qua Eo biển Malacca" (Hayton 2014, 101). Biển Đông cũng là khu vực Trung Quốc và Mỹ có lợi ích song trùng và trong một số trường hợp mang tính đối lập. Thực tế, Hải quân Mỹ cung cấp "dịch vụ công" ở Biển Đông kể từ Thế chiến II, giúp duy trì các tuyến đường biển và giao thương biển thông suốt, không bị cản trở. Việc Mỹ can dự vào khu vực được tất cả các quốc gia tiếp giáp Biển Đông, ngoại trừ Trung Quốc, hoan nghênh bởi họ coi Mỹ đóng vai trò đối trọng ngăn cản các hành động quyết đoán của Trung Quốc ở khu vực.² Trong khi cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ có thể là tương đối mới nhưng tầm quan trọng Eo biển Malacca và Biển Đông trong thế kỷ 21 lại không phải là điều mới mẻ, vì khu vực

¹ Bên cạnh những điều khác, Philippines cáo buộc Trung Quốc chiếm đóng bất hợp pháp Bãi cạn Scarborough (Panatag, hay đảo Hoàng Nham), nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines và cách Trung Quốc tới 500 dặm.

² Tôi cho rằng các nước bao gồm cả Philippines, thậm chí dưới chính quyền Duterte, một nhà lãnh đạo thường hay chỉ trích Mỹ. Ông Duterte không yêu cầu người Mỹ rời đi, hoặc các vị tướng quân đội của Philippines hiện nay không có xu hướng chống Mỹ như ông Duterte.

này là tuyến đường biển chiến lược và cơ sở cho hoạt động thương mại nội khối và liên khu vực trong hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm.

Tuy nhiên điều khiến các nhà nghiên cứu chính sách đối ngoại và các chuyên gia về quan hệ quốc tế (IR) đặc biệt quan tâm đến Biển Đông giai đoạn đầu thế kỷ 21 có lẽ bối cảnh chiến lược ở Biển Đông là trường hợp điển hình phù hợp nhất để kiểm nghiệm “sự trỗi dậy hòa bình (hoặc không hòa bình) của Trung Quốc”, đây là điều Bắc Kinh tuyên bố trong những năm qua. Phán quyết của Tòa Trọng tài Hague khiến điều này rõ ràng hơn. Vụ kiện nhấn mạnh tầm quan trọng cách thức Trung Quốc triển khai chính sách đối ngoại và chiến lược cũng như tác động đối với các nước láng giềng trước thực tế Trung Quốc một lần nữa trở nên hùng mạnh. Ở đây, vấn đề chiến lược và lãnh thổ rất quan trọng nhưng các quyết định của Tòa không rõ ràng như chúng ta kỳ vọng, Trung Quốc có khả năng thể hiện cách hành xử tích cực (cho thấy nước này có điều chỉnh) hoặc lối hành xử mà các nước láng giềng đánh giá là quyết đoán và thực dụng thay vì dựa trên nguyên tắc. Diễn biến của tranh chấp Biển Đông giữa Trung Quốc và các nước láng giềng có ý nghĩa quan trọng đối với khu vực và thế giới vì liên quan đến khả năng Trung Quốc trỗi dậy hòa bình, và sự trỗi dậy này có ý nghĩa lớn đối với khu vực và thế giới. Cuối cùng, chúng ta sẽ thảo luận một vấn đề lớn hơn đó là sự trỗi dậy toàn cầu của Trung Quốc.

Tuyên bố Trỗi dậy Hòa bình

Đối với các nhà hoạch định chính sách quốc tế và sinh viên ngành quan hệ quốc tế, một trong những sự kiện có nhiều ảnh hưởng vào những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI là sự trỗi dậy của Trung Quốc. Việc Trung Quốc nổi lên là cường quốc kinh tế toàn cầu thật đáng kinh ngạc ở nhiều phương diện, đặc biệt xét đến tình trạng kiệt quệ về kinh tế sau khi kết thúc Cuộc Cách mạng Văn hóa vào giữa thập niên 1970, từ đó nước này đã vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Cách thức các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc lựa chọn để thể hiện sự trỗi dậy là gì?

Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã thúc đẩy chính sách “thế giới hài hòa” dựa trên chính sách “láng giềng thân thiện” của người tiền nhiệm, hướng tới củng cố và ổn định quan hệ với các nước láng giềng, từ đó Trung Quốc tập trung vào công cuộc phát triển đất nước. Trên thực tế, Trung Quốc chung biên giới với 14 quốc gia, và dưới thời Hồ Cẩm Đào, quan hệ của Trung Quốc với các nước láng giềng có nền tảng khá vững chắc, theo một chuyên gia Trung Quốc đánh giá vào năm 2008 là “tốt nhất trong lịch sử”.³ Chính sách “thế giới hài hòa” của Trung Quốc hướng tới xây dựng mối quan hệ hòa hợp, không chỉ với các nước láng giềng, mà với mọi quốc gia trên thế giới. Ông Hồ Cẩm Đào (năm 2008) tuyên bố như sau:

Trong một thế giới mà xu hướng đa cực là không thể đảo ngược, toàn cầu hoá kinh tế diễn ra sâu rộng cùng với cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ, tương lai của Trung Quốc gắn kết với tương lai của thế giới lớn hơn bao giờ hết...Trung Quốc sẽ kiên định đi theo con đường phát triển hòa bình...Trung Quốc cam kết giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế...Trung Quốc không bao giờ muốn trở thành bá quyền hoặc bành trướng.

Những tuyên bố của chủ tịch Trung Quốc khi đó rất quan trọng, và chúng ta sẽ

³ Các thảo luận tại Viện Quan hệ Quốc tế Đương đại Trung Quốc, Bắc Kinh (tháng 6 năm 2008)

thảo luận về điều này sau.

Với sự nổi lên của ông Tập Cận Bình trong vai trò lãnh đạo Trung Quốc, các tuyên bố chính sách đối ngoại của nước này thay đổi không đáng kể, nhưng chính sách đối ngoại thực sự thay đổi. Ông Tập mang đến câu chuyện về “Giấc mơ Trung Hoa” mà chúng ta có thể coi là một phiên bản của chủ nghĩa tập thể về Giấc mơ Mỹ. Ông Tập (2014, 37–39) nhấn mạnh đây cơ bản là “quá trình phục hưng dân tộc Trung Hoa”. Cùng với đó, ông Tập thúc đẩy “mối quan hệ cường quốc kiểu mới” (NTGPR) dựa trên ba tiền đề: “không xung đột hay đối đầu, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác cùng có lợi” (Tập 2013, 306). Trong khi trước đó Chủ tịch Hồ Cẩm Đào chưa chú trọng, ông Tập đã nắm lấy “câu thần chú” này và đề xuất với tổng thống Mỹ Barack Obama tại thượng đỉnh Sunnylands giữa hai nhà lãnh đạo vào năm 2013. Tuy nhiên đề xuất này có vẻ không được Mỹ đón nhận. Trong “Sách trắng về Hợp tác An ninh ở châu Á-Thái Bình Dương” của Trung Quốc năm 2017, dường như các khái niệm chung (và ba tiền đề trên) của NTGPR vẫn là một phần trong hệ thống chính sách đối ngoại mặc dù khái niệm NTGPR không được đề cập. Thay vào đó, sách trắng kêu gọi “một mô hình quan hệ quốc tế kiểu mới, trong đó tập trung vào hợp tác cùng có lợi” (mặc dù báo cáo không nêu chi tiết về điều kiện yêu cầu), và trong báo cáo này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc tiếp tục khẳng định ý muốn đi theo con đường “phát triển hòa bình” như nguyên tắc định hướng, một khái niệm được ông Tập nêu rõ trong báo cáo tại Đại hội Đảng lần thứ XIX (Xi 2017).

Trung Quốc sử dụng cụm từ “Phát triển hòa bình” để thay thế cụm từ “Trỗi dậy hòa bình” (*heping jueqi*) trước đó. Năm 2002, Chủ tịch Diễn đàn Cải cách Trung Quốc Trịnh Tất Kiên (1995) đã đưa ra khái niệm “Trỗi dậy hòa bình”, nhưng Chủ tịch Hồ Cẩm Đào và giới lãnh đạo Trung Quốc năm 2004 và sau này chủ yếu sử dụng cụm từ “phát triển hòa bình”. Đây là kết quả của “khái niệm an ninh mới” (*xin anquan guan*) mà Trung Quốc xây dựng từ nhiều năm trước, trong đó khẳng định muốn tránh những sai lầm chính trị và quân sự mang tính bất ổn và bạo lực của các cường quốc trỗi dậy trước đó. Học giả Bonnie Glaser và Evan Medeiros cho rằng chính phủ Trung Quốc sau đó đã không sử dụng cụm từ “trỗi dậy hòa bình”, thay vào là khái niệm phổ biến hiện nay là “phát triển hòa bình” (một cụm từ ông Tập sử dụng trong bài phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ XIX) bởi khái niệm Trung Quốc trỗi dậy có thể khiến những người theo chủ nghĩa hiện thực lo ngại về một cường quốc mới trỗi dậy (Glaser và Medeiros 2007). Dĩ nhiên, tất cả các tuyên bố về trỗi dậy hay phát triển được hiểu trong bối cảnh câu nói của Đặng Tiểu Bình, vị kiến trúc sư trưởng đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc, rằng Trung Quốc nên “thao quang, dưỡng hối” (*taoguang, yanghui*), hay nghĩa đen là “giấu mình chờ thời.” Điều này có thể được hiểu Trung Quốc muốn phát triển hòa bình và không tìm kiếm một vị thế trên vũ đài chính trị toàn cầu (nghĩa là muốn tránh trở thành tâm điểm chú ý) hoặc Trung Quốc *thực sự* có tham vọng trở thành cường quốc toàn cầu nhưng phải giấu mình chờ thời (nghĩa là tới thời điểm nước này đạt sức mạnh “đôi ta”). Dĩ nhiên, sự khác biệt giữa hai cách giải thích này là rất lớn, và trong trường hợp đó, liên quan đến câu hỏi Trung Quốc cuối cùng sẽ đóng vai trò gì ở khu vực và ở quy mô toàn cầu.

Trong khi Trung Quốc dưới thời ông Tập tiếp tục tuyên bố về phát triển hòa bình (câu “thần chú” ông Tập đề cập trong báo cáo tại Đại hội Đảng Trung Quốc lần thứ XIX), rõ ràng những lựa chọn chính sách đối ngoại hiện nay cho thấy ông Tập đang

tạm gác lại phương châm cũ của Đặng Tiểu Bình về “*taoguang, yanghui*”. Các nhà phân tích Trung Quốc dường như thống nhất rằng ông Tập nhận định thời cơ của Trung Quốc đã tới, sức mạnh quốc gia hiện tại đủ mạnh, trong khi thận trọng nhưng không cần phải giấu mình chờ thời nữa. Thực tế những năm gần đây, ngày càng có nhiều tiếng nói trong giới truyền thông, học giả, các nhà phân tích chính sách kêu gọi chính phủ thực thi chính sách đối ngoại quyết đoán hơn. Dường như ông Tập đã không làm họ thất vọng. Chính sách của Trung Quốc ở Biển Đông đã thể hiện rõ điều này.

Trung Quốc, Mỹ, và Biển Đông

Trong bối cảnh hiện nay, việc xem xét chính sách của Trung Quốc ở Biển Đông là cách thức phù hợp để đánh giá các tuyên bố chính sách và thực tế triển khai của nước này. Theo quan điểm của một số nước láng giềng Trung Quốc và nhiều nhân vật ở Washington, chính sách cứng rắn hơn của Bắc Kinh ở Biển Hoa Đông và Biển Đông những năm gần đây cho thấy những đồn đoán của các nhà hiện thực đã thành sự thật. Nói cách khác, như Thucydides đề cập trong nghiên cứu của ông về Cuộc chiến Peloponnesian, "kẻ mạnh làm những điều họ có thể, trong khi kẻ yếu phải chấp nhận thực tế của họ," có nghĩa Trung Quốc càng lớn mạnh, nước này ngày càng quyết đoán hơn (Moore 2017, 98). Nói cách khác, khi kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh chóng, nước này sẽ phân bổ nhiều nguồn lực hơn cho chi tiêu quân sự. Đặc biệt, Hải quân Quân Giải phóng Nhân dân (PLAN) đã tiếp nhận nhiều nguồn lực, phát triển năng lực trên biển và khả năng triển khai lực lượng từ Đông Bắc Á đến Biển Hoa Đông, Biển Đông và cái gọi là chuỗi ngọc trai gồm các cơ sở hải quân của Trung Quốc nằm rải rác từ Biển Đông qua Eo biển Malacca, Nam Á và đến tận Vịnh Ba Tư, khu vực Trung Quốc có nhiều hoạt động vận tải biển từ xuất khẩu hàng hóa sản xuất sang châu Âu, nhập khẩu dầu từ Trung Đông, và nhiều hoạt động trao đổi hàng hóa và thương mại khác. Những năm gần đây, nhiệm vụ của PLAN được mở rộng và Trung Quốc tăng cường thúc đẩy đối với các yêu sách biển và chính sách biển của mình (Lee 2012).

Các nhà hoạch định chính sách Mỹ theo dõi sát diễn biến các tranh chấp biển với mối lo ngại không hề nhỏ. Theo quan điểm của Mỹ, tranh chấp giữa Trung Quốc và Philippines là thử nghiệm quan trọng cách thức Bắc Kinh xử lý tranh chấp biển với các nước láng giềng yếu hơn. Bởi Philippines là một đồng minh chính thức của Mỹ, dù quan hệ hai bên gần đây có phần căng thẳng dưới chính quyền Duterte, nhưng Mỹ luôn theo dõi sát vấn đề này. Vào tháng 4 năm 2012, khi tám tàu đánh cá của Trung Quốc đang đánh bắt tại vùng nước Philippines gọi Bãi cạn Panatag, phương Tây gọi Bãi cạn Scarborough, và Trung Quốc gọi đảo Hoàng Nham, Philippines đã triển khai tàu lớn nhất trong hạm đội, vốn là tàu cũ của lực lượng tuần duyên Mỹ, đến khu vực. Theo chính phủ Philippines, khi nhận thấy các thuyền này có nguồn gốc Trung Quốc và đang đánh bắt trong Vùng Đặc quyền Kinh tế 200 hải lý của Philippines (theo các quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển) và tàu Trung Quốc đánh bắt và thu lượm bất hợp pháp sò, cá mập sống và vật phẩm san hô (Zirulnick 2012), lực lượng Philippines triển khai bắt giữ các ngư dân. Tuy nhiên, trước khi sự việc diễn ra, hai tàu hải giám của Trung Quốc đã xuất hiện và ngăn thành công việc bắt giữ này. Để tránh tình hình leo thang, tàu lớn của Philippines cuối cùng đã rút đi và thay thế bằng một tàu bảo vệ bờ biển nhỏ hơn. Tuy nhiên, thay vì hạ nhiệt căng thẳng, Trung Quốc

đã triển khai tàu chấp pháp và tuần tra nghề cá lớn hơn (tàu *Yuzheng* 310, dài 361 feet) tới hiện trường. Sau khi tàu cá Trung Quốc tản ra, một cuộc đối đầu diễn ra giữa các tàu chính phủ của Trung Quốc và Philippines, và không bên nào chịu rút đi.

Về sự ủng hộ của Mỹ trong cuộc đối đầu giữa Philippines và Trung Quốc ở Biển Đông, việc ông Rodrigo Duterte trở thành Tổng thống vào năm 2016 làm phức tạp mối quan hệ giữa hai bên, bởi khi nắm quyền, ông Duterte thường có tuyên bố chỉ trích gay gắt Mỹ. Ông Duterte không rút lại các yêu sách đối với Trung Quốc ở Biển Đông; không từ bỏ quan hệ đồng minh với Mỹ hoặc thu hồi quyền sử dụng cơ sở quân sự của Mỹ tại Vịnh Subic. Dường như ông Duterte thể hiện sự tôn trọng với Tổng thống Trump hơn với ông Obama, và quan hệ Washington-Manila đã được cải thiện dưới chính quyền Trump. Thực tế, ông Trump đã gặp ông Duterte ở Manila vào giữa tháng 11 năm 2017 bên lề cuộc họp ASEAN mà Philippines tổ chức, và cuộc họp nhìn chung diễn ra suôn sẻ cho thấy mối quan hệ giữa hai bên đang dần ổn định.

Các nhà quan sát Trung Quốc trong và ngoài chính phủ Mỹ có lý do để quan ngại những xung đột trong tranh chấp biển như vậy giữa Trung Quốc và các nước láng giềng. Thứ nhất, dù là một nước thành viên của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS), và nước này tuyên bố, “Trung Quốc cam kết duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông, và hướng tới một giải pháp hòa bình cho các tranh chấp lãnh thổ và quyền lợi biển thông qua đàm phán và tham vấn hữu nghị với các nước liên quan trực tiếp... cũng như tự do hàng hải và hàng không trên Biển Đông” (Văn phòng Thông tin Quốc Vụ Viện 2017), yêu sách đường chín đoạn và hoạt động xây dựng đảo của Trung Quốc thực sự là một thách thức đối với yêu sách dựa trên UNCLOS của các quốc gia khác ở Biển Đông. Ví dụ, Panatag/ Bãi cạn Scarborough/ Hoàng Nham cách đảo chính Luzon của Philippines khoảng 123 dặm, nhưng cách đảo Hải Nam, lục địa gần nhất của Trung Quốc, tới 540 dặm. Panatag/ Bãi cạn Scarborough/ Hoàng Nham nằm trong vùng Đặc quyền Kinh tế 200 hải lý của Philippines mà UNCLOS cho phép và nằm cách xa bên ngoài vùng EEZ của Trung Quốc (Xem hình 1 dưới đây – đường đứt đoạn lượn sóng thể hiện là đường phân định ranh giới EEZ với các quốc gia tiếp giáp Biển Đông), và trong khi UNCLOS không đề cập tới vấn đề chủ quyền, yêu sách các thực thể này của Philippines dường như thuyết phục hơn yêu sách của Trung Quốc. Phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực năm 2016 đã bác bỏ yêu sách của Trung Quốc khi kết luận yêu sách của Trung Quốc không có cơ sở. Yêu sách của Trung Quốc đối với bãi cạn này (không thực sự là đảo) dựa trên việc ngư dân Trung Quốc có sự hiện diện lịch sử ở khu vực này trong nhiều năm, và việc kế thừa mang tính lịch sử của đường chín đoạn. Trung Quốc lập luận nước này đã đưa ra yêu sách rõ ràng với Biển Đông trong bản đồ năm 1947 thể hiện bằng đường chín đoạn bao quanh Biển Đông, bên ngoài bờ biển của Việt Nam, Malaysia, Brunei và Philippines (bản đồ dưới đây cho chúng ta thấy yêu sách của Trung Quốc được thể hiện bằng đường đứt đoạn màu tối nhất). Mặc dù, Trung Quốc có bằng chứng cho thấy ngư dân nước này thường xuyên qua lại khu vực trong nhiều năm, Philippines lập luận rằng ngư dân của họ cũng thường lui tới bãi cạn này trong hàng thế kỷ. Thực tế, các yêu sách lịch sử rất khó để chứng minh trong những trường hợp như vậy dù các bên thường có xu hướng sử dụng yêu sách lịch sử.

Hình 1: Biển Đông



Thứ hai, Mỹ và các bên khác nhận thấy Trung Quốc đưa ra quan điểm khá khó hiểu. Bắc Kinh cho rằng ngay cả việc đặt vấn đề về yêu sách của nước này là không thể chấp nhận, và Trung Quốc không chấp nhận đàm phán dưới bất kỳ hình thức nào về chủ quyền của những thực thể này. Quan điểm của Trung Quốc được thể hiện rõ trong tuyên bố, “đảo [Hoàng Nham] là một phần lãnh thổ không thể tách rời của Trung Quốc từ thời xa xưa” (Zhang 2012). Tương tự như vậy, “Sách trắng về Hợp tác An ninh ở Châu Á – Thái Bình Dương” của Trung Quốc khẳng định “Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với quần đảo Nansha [Trường Sa] và các vùng nước liền kề.” Giới chức Trung Quốc sử dụng cụm từ “không thể tranh cãi” trong tuyên bố về yêu sách đối với đảo Hoàng Nham (và các khu vực khác của Biển Đông), và họ lập luận rằng không nên đưa tranh chấp ra bất kỳ tòa án quốc tế hoặc phiên tòa nào của UNCLOS, như Philippines đã làm, vì điều này sẽ quốc tế hóa vấn đề Trung Quốc coi là một tranh chấp giữa hai bên. Vụ trưởng Vụ Biên giới và Hải dương của Bộ Ngoại giao Trung Quốc ông Đặng Xuân Hoa, tuyên bố: “Việc đưa tranh chấp lãnh thổ không thể tranh cãi của một quốc gia khác ra tòa án quốc tế đã vi phạm các nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế đương đại” (Zhang 2012). Trung Quốc duy trì lập trường này trong phản đối phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực năm 2016 cũng như trong các tuyên bố chính sách gần đây (Văn phòng Thông tin Quốc Vụ Viện 2017). Mỹ cho rằng Trung Quốc đưa ra quan điểm mang tính cách ngôn, “Thuận thì sống, chống thì chết” (My way or the highway).⁴ Trung Quốc luôn tránh thảo luận về yêu sách Biển Đông của nước này trong các diễn đàn trừ thảo luận song phương với Philippines hoặc những bên tranh chấp khác. Những nhà quan sát Mỹ, cùng với các nước láng giềng của Trung Quốc, coi đây là một quan điểm không tích cực, mang tính ngạo mạn, thiếu hợp tác, không hài hòa, và thậm chí “bá quyền”, một cụm từ Trung Quốc từng sử dụng để chế nhạo Mỹ và Liên Xô.

⁴ Nói cách khác, “Tuân theo luật chơi của tôi hoặc hãy tránh ra.”

Lựa chọn của Bắc Kinh

Biển Đông là khu vực đặc biệt Trung Quốc phải lựa chọn giữa một bên là tính thiết thực và lợi ích ngắn hạn trong chính sách Biển Đông hiện nay, và mặt khác là lợi ích địa chiến lược lớn hơn và lợi ích lâu dài, được nêu rõ trong NTGPR như trời dấy hòa bình, thế giới hài hòa, và các chính sách/ tuyên bố láng giềng hữu nghị. Các nhà hoạch định chính sách Mỹ và khu vực lo ngại những gì họ chứng kiến thể hiện sự quyết đoán mới của Trung Quốc trong quan hệ với các nước láng giềng từ 2008-2009, đặc biệt trong các tranh chấp biển, có thể dự báo về hành vi quốc tế của Trung Quốc khi sức mạnh nước này đạt đỉnh điểm trong tương lai. Phần lớn cộng đồng “những nhà quan sát Trung Quốc” ở Mỹ từng tán thành việc “can dự nhưng không kiềm chế”, coi Trung Quốc là một “nhân tố rắc rối” và hành xử có phần cưỡng ép nhưng là một đối tác thương mại thực dụng, hơn là nguy cơ hoặc mối đe dọa của chủ nghĩa bành trướng, theo thuật ngữ của Richard Madsen (1995). Trước đây vài năm, câu chuyện “mối đe dọa Trung Quốc” chỉ được số ít người trong cộng đồng này quan tâm, họ là những người có nhiều ảnh hưởng đến chính sách Trung Quốc của Mỹ. Những năm qua, dù không có dữ liệu mang tính định lượng để phục vụ cuộc tranh luận này, dường như Washington và các nước khu vực dần tin câu chuyện về “mối đe dọa Trung Quốc”. Một số lý do giải thích cho sự thay đổi này, ví dụ như: Việc Trung Quốc ủng hộ⁵ Bắc Triều Tiên trong vụ việc Cheonan và Quần đảo Yeon-pyeong (2010); Trung Quốc có lập trường quyết đoán hơn ở quần đảo Điếu Ngư/ Senkaku (va chạm giữa tàu đánh cá Trung Quốc và tàu tuần duyên Nhật Bản năm 2010 và quan hệ hai bên căng thẳng sau đó) và tàu tuần tra Trung Quốc cắt cáp tàu khảo sát Việt Nam ở Biển Đông năm 2011; Trung Quốc và Philippines đối đầu ở Hoàng Nham/ Bãi Scarborough/ Panatag năm 2012; và Trung Quốc tiến hành cải tạo đất (hoặc xây dựng đảo nhân tạo) trên các rạn san hô ở quần đảo Trường Sa có tranh chấp. Những hành động này của Trung Quốc làm thay đổi cách nhìn nhận của các nhà quan sát Trung Quốc nhiều kinh nghiệm cũng như những nhà hoạch định chính sách ở Washington. Dường như có sự đồng thuận mới hình thành ở Mỹ rằng Trung Quốc đang theo tư tưởng điều hâu (Blackwill và Tellis 2015; Harding 2015). Việc chính quyền Donald Trump có hai nhân vật điều hâu nhất, là Peter Navarro và Michael Pillsbury thuộc nhóm cố vấn về Trung Quốc, cho thấy câu chuyện mối đe dọa Trung Quốc chắc chắn được Washington quan tâm và bàn thảo. Nói cách khác, các hành động đối ngoại của Trung Quốc trong sáu năm qua (2009 tới nay) ngày càng khẳng định câu chuyện về mối đe dọa của Trung Quốc trong đánh giá của nhiều nhà quan sát ở Mỹ và Châu Á-Thái Bình Dương.

Một ví dụ về quan điểm điều hâu mới của Mỹ với Trung Quốc là tại hội nghị hải quân ở Úc vào tháng 4 năm 2015, Đô đốc Mỹ Harry B. Harris Jr. tuyên bố các yêu sách chủ quyền đối lập ở Biển Đông có nguy cơ làm gia tăng “căng thẳng khu vực và dẫn đến các tính toán sai lầm.” Ông Harris nói thêm: “Nhưng điều thực sự khiến chúng ta quan tâm hiện tại là hoạt động cải tạo đất chưa từng có tiền lệ mà Trung Quốc đang thực hiện” (Denyer 2015). Thực tế, một vài quốc gia khác cũng có một số hoạt động tôn tạo đảo trước khi Trung Quốc bắt đầu cải tạo quy mô lớn. Như học giả

⁵ Việc Trung Quốc “ủng hộ” Bắc Triều Tiên đơn giản vì Bắc Kinh không muốn cùng Hàn Quốc và Phương Tây lên án cách hành xử của Bình Nhưỡng trong các vụ việc này. Nói cách khác, tác giả cho rằng việc Bắc Kinh không muốn chỉ trích Bắc Triều Tiên trước các chứng cứ rõ ràng về hành động đáng lên án của nước này ít nhất giống như sự ngầm ủng hộ.

Mira Rapp-Hooper của Trung tâm An ninh Mỹ mới nhận xét,

Diễn tiến lịch sử này rất quan trọng, bởi những gì Washington và các nước bè bạn, đồng minh coi là hoạt động xây dựng quy mô và nhanh chóng thì Trung Quốc coi là hoạt động hoàn toàn hợp pháp để bắt kịp các nước khác...Tuy nhiên, điểm khác biệt là Bắc Kinh đã thay đổi đáng kể quy mô và cấu trúc hiện tại của các thực thể đất, trong khi những bên yêu sách khác chỉ xây dựng trên hoặc tôn tạo các thực thể đã có. (Denyer 2015)

Tuy nhiên, trong khi Bắc Kinh khẳng định không quân sự hóa các cơ sở mới, người ta nhận thấy lực lượng quân sự đã được triển khai trên một số cơ sở, và máy bay quân sự đã sử dụng các đường băng mới được xây dựng. Trên thực tế, vào tháng 12 năm 2016, Sáng kiến Minh bạch Biển châu Á công bố một báo cáo cho hay: “Trung Quốc dường như xây dựng năng lực phòng thủ đáng kể, dưới hình thức các súng phòng không cỡ lớn và có thể cả hệ thống vũ khí tầm gần (CIWS) tại các tiền đồn ở quần đảo Trường Sa, điều này “cho thấy Bắc Kinh khá nghiêm túc trong việc bảo vệ các đảo nhân tạo trong trường hợp xảy ra xung đột vũ trang tại Biển Đông. Bên cạnh các biện pháp khác, đây sẽ là tuyến phòng thủ cuối cùng để đối phó với tên lửa hành trình của Mỹ hoặc những bên khác nhằm vào các căn cứ không quân sẽ sớm đi vào hoạt động này” (Sáng kiến Minh bạch Biển châu Á năm 2016). Ngoài ra, vào đầu năm 2016, giám đốc cơ quan tình báo quốc gia Mỹ ông James Clapper cho hay Trung Quốc sẽ sớm

đạt năng lực trong việc triển khai nhanh chóng sức mạnh tấn công ở khu vực...Trung Quốc đã thiết lập cơ sở hạ tầng cần thiết để triển khai sức mạnh quân sự ở Biển Đông, không chỉ dừng ở khả năng phòng thủ của các tiền đồn...Những năng lực này có thể bao gồm triển khai máy bay chiến đấu hiện đại, tên lửa đất đối không (SAMS) và tên lửa hành trình phòng thủ ven biển, cũng như sự hiện diện ngày càng nhiều tàu chiến mặt nước của PLAN và các tàu tuần tra trọng tải lớn của Cảnh sát Biển Trung Quốc. (Clapper 2016)

Trên thực tế, theo một báo cáo ghi nhận, vào đầu năm 2016, hai khẩu đội tên lửa đất đối không HQ-9 được lắp đặt trên đảo Phú Lâm, một thực thể Trung Quốc kiểm soát ở quần đảo Hoàng Sa mà Việt Nam cũng yêu sách chủ quyền. Hệ thống HQ-9 có tầm hoạt động 200 km, bao trùm toàn bộ khu vực quần đảo Hoàng Sa (Collin 2016). Ông Clapper (2016) lưu ý rằng, sân bay Trung Quốc xây dựng trên Đá Chữ Thập ở quần đảo Trường Sa hiện đã vận hành và đủ lớn để tiếp nhận bất kỳ loại máy bay quân sự nào của Trung Quốc đang hoạt động.

Trong một diễn biến khác vào cuối năm 2016, khi tàu Bowditch của Hải quân Mỹ sử dụng tàu ngầm mini (tàu lặn không người lái) để thu thập dữ liệu khoa học (theo báo cáo của phía Mỹ), một tàu chiến Trung Quốc tiếp cận tàu Bowditch và thu giữ tàu lặn không người lái. Sự kiện này diễn ra hoàn toàn ngoài Đường chín đoạn của Trung Quốc, cách tàu Bowditch khoảng 500 yards (khoảng 457m-ND), cách bờ biển Trung Quốc 500 dặm (khoảng 804km-ND), và chỉ cách Vịnh Subic của Philippines khoảng 50 dặm, nơi Mỹ và Philippines có các cơ sở hải quân (Cooper 2016). Dù Trung Quốc trao trả tàu lặn không người lái cho Mỹ vài ngày sau đó, do vụ việc xảy ra ở các vùng biển quốc tế cách xa Trung Quốc và rất gần với Philippines và cơ sở hải quân của Mỹ ở đó, Mỹ coi việc thu giữ tàu lặn là một hành động rất khiêu khích. Những vụ việc như vậy khiến Mỹ và các nước láng giềng của Trung Quốc rất lo ngại.

Lựa chọn mô hình Bismarck hay Wilhelm?

Hiện nay, Trung Quốc đứng trước lựa chọn áp dụng mô hình từng có tiền lệ của Otto von Bismarck, điều rõ ràng là mục tiêu mà Bắc Kinh tuyên bố về quan hệ cường quốc kiểu mới (*xinxing daguo guanxi*), sự trỗi dậy hòa bình và thế giới hài hòa, hay theo mô hình của Kaiser Wilhelm là theo đuổi chính sách phát triển quân sự, mở rộng yêu sách biển và lãnh thổ, xem nhẹ mối quan ngại của các nước láng giềng.

Ngày càng nhiều nhà phân tích và hoạch định chính sách ở Mỹ và một số nước láng giềng Trung Quốc kết luận Trung Quốc thực sự đi theo mô hình thứ hai, bao gồm cả các cố vấn của ông Trump là Navarro và Pillsbury. Họ nhận thấy Trung Quốc cố gắng lợi dụng nước Mỹ và châu Âu tự do, và niềm tin/ sự ngây thơ của các nhà lãnh đạo khu vực trong khi tìm cách thống trị Biển Đông, xây dựng sức mạnh quân sự như một cường quốc khu vực để thách thức và thay thế Mỹ, trong mọi trường hợp đều tìm cách tối đa hóa lợi ích riêng (Navarro 2015; Pillsbury 2016). Chúng ta khó có thể biết những nhà hoạch định chính sách Trung Quốc nghĩ gì, nhưng đây rõ ràng là triển vọng mà Mỹ, Châu Âu và các nước láng giềng của Trung Quốc cần đánh giá nghiêm túc. Mặt khác, có khả năng các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc nhận thấy họ lựa chọn con đường Bismarck trong khi không chủ đích bán tín hiệu cho Mỹ và các nước láng giềng của Trung Quốc về mô hình Wilhelm. Nghiên cứu của Peter Gries (2005) và những người khác về cái gọi là lỗi quy kết bản chất (FAE) đã khẳng định các chủ thể thường tự gán cho mình những ý định tốt đẹp, điều họ cho là rõ ràng với người khác, đồng thời gán cho những người khác có ý định ít tốt đẹp hơn. Theo nghiên cứu riêng, tác giả nhận thấy ở phương diện lịch sử FAE đã hiện hữu trong việc hoạch định chính sách của Trung Quốc, và điều này tiếp tục duy trì, dù tác giả không thực hiện các cuộc phỏng vấn và nghiên cứu một nhóm cụ thể trong trường hợp này (Moore 2010). Để xác định vai trò của FAE, người ta phải tiến hành các cuộc phỏng vấn toàn diện với các chuyên gia và các nhà hoạch định chính sách, lý tưởng là cả hai bên. Dù không làm như vậy trong trường hợp này, tôi nhận thấy có mô hình tương tự như nghiên cứu của tôi về vụ Mỹ không kích sứ quán Trung Quốc ở Belgrade năm 1999. Những nhà đối thoại Trung Quốc và người phát ngôn chính phủ dường như tin vào câu chuyện của họ trong khi người Mỹ, Việt Nam và Philippines cũng hành động tương tự. Bất đồng quan điểm giữa các bên và những điều họ nghe thấy từ bên khác có xu hướng bị gán là thuyết âm mưu và coi là có ý định xấu và không tốt. Sự ngờ vực luôn hiện hữu bởi liên quan tới cách thức các bên tranh chấp/ cạnh tranh ở Biển Đông nhìn nhận về nhau. Cuối cùng, FAE cho chúng ta thấy nhận thức là quan trọng, nếu không muốn nói là quan trọng hơn “thực tế,” như vậy nếu ý định của Trung Quốc là tốt, những lo ngại hay tín hiệu từ các nước láng giềng của nước này cần được Bắc Kinh quan tâm đúng mức.

Dĩ nhiên, tầm quan trọng của nhận thức phải bắt nguồn từ hai phía. Những nỗ lực tôn tạo đảo đơn phương của một số quốc gia khác trong khu vực không giúp xây dựng cách tiếp cận đa phương dựa trên UNCLOS trong vấn đề Biển Đông. Thực tế, hành động của họ khiến Trung Quốc nghĩ rằng nước này phải hành động nhanh chóng hoặc sẽ mãi mất đi lợi thế ở Biển Đông. Các nước cần tạm ngừng và chấm dứt việc tôn tạo đảo, đồng thời sẽ khá khôn ngoan nếu rút lại những gì họ đã làm nếu muốn thấy Bắc Kinh hành động tương tự. Mỹ cũng nên cân nhắc hành động của mình ảnh hưởng thế nào đến nhận thức của Trung Quốc về sự bao vây và kiềm chế chiến lược, cần tránh

những động thái khiêu khích không cần thiết đối với Bắc Kinh ở Biển Đông, theo Mark Valencia nhận xét (2017).

Trong mọi trường hợp, phán quyết của Tòa án Hague (Tòa Trọng tài Thường trực năm 2016) là cơ hội quan trọng để Bắc Kinh thể hiện với thế giới rằng Trung Quốc (1) là một bên liên quan có trách nhiệm tôn trọng luật pháp quốc tế, và (2) chân thành trong tuyên bố trở dậy hòa bình. Cho đến nay, Bắc Kinh đã không tận dụng cơ hội để làm như vậy, mà còn bác bỏ thẩm quyền và phán quyết của tòa. Rõ ràng phán quyết của Tòa là đòn giáng mạnh vào tham vọng của Trung Quốc ở Biển Đông. Theo Tòa, đường chín đoạn của Trung Quốc hoàn toàn không có cơ sở pháp lý. Việc Bắc Kinh kiểm soát Bãi cạn Scarborough (Trung Quốc gọi là đảo Hoàng Nham) và các hoạt động xây dựng đảo của nước này được cho là không phù hợp với luật pháp quốc tế. Cuối cùng, các hoạt động đánh bắt và xây dựng đảo của Trung Quốc ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên ở Biển Đông. Chính sách của Trung Quốc ở Biển Đông rõ ràng khiến các nước láng giềng, cộng đồng quốc tế và ngay cả các thẩm phán của Tòa Trọng tài lo ngại. Trung Quốc có thể tiếp tục đẩy mạnh các dự án hiện nay ở Biển Đông, phớt lờ phán quyết của PCA như đã làm. Chính sách như vậy của Trung Quốc sẽ khiến nước này phải trả giá đắt về vị thế quốc tế và có khả năng Mỹ và các nước láng giềng coi Bắc Kinh là mối đe dọa với họ.

Dựa trên những tuyên bố của Trung Quốc về sự hòa hợp và trở dậy hòa bình (cùng những ý định được nêu trong bài phát biểu của ông Tập gần đây tại Đại hội Đảng lần thứ XII), với tầm ảnh hưởng và vị trí địa lý trung tâm, Trung Quốc cần hành động trách nhiệm và đóng góp tích cực hơn nếu những mong muốn của nước này là chân thành. Nếu thực sự chân thành, Bắc Kinh phải lồng ghép sự hài hòa vào chính sách Biển Đông cũng như chính sách tổng thể. Hiện tại, cả hai chính sách đều không như vậy, ít nhất theo góc nhìn của Mỹ, Việt Nam, Philippines, một số quốc gia ASEAN, và các chuyên gia của Tòa Trọng tài Hague. Trước thực tế đó, việc Trung Quốc quyết định cân nhắc về chính sách Biển Đông của nước này có ý nghĩa bước ngoặt đối với khu vực và rất có thể, là hòa bình và ổn định ở khu vực.

Chú thích

Gregory J. Moore là trưởng khoa Nghiên cứu Quốc tế tại Đại học Nottingham, Ninh Ba, Trung Quốc, phụ trách giảng dạy các khóa học đại học và sau đại học về quan hệ quốc tế. Lĩnh vực nghiên cứu ông quan tâm bao gồm quan hệ quốc tế, lý thuyết IR, an ninh quốc tế, các phương pháp, chính sách đối ngoại của Trung Quốc, chính sách đối ngoại của Mỹ, quan hệ Trung-Mỹ, IR/ an ninh Đông Á, phân tích chính sách đối ngoại và vấn đề hạt nhân Bắc Triều Tiên. Ông có nhiều bài báo trên các tạp chí như *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, *An ninh Châu Á*, *Phân tích Chính sách Đối ngoại*, *Quan hệ quốc tế ở Châu Á - Thái Bình Dương*, *Quan điểm châu Á*, *Tạp chí Trung Quốc đương đại* và *Tạp chí Khoa học Chính trị Trung Quốc*. Ông hiện đang viết một cuốn sách về quan hệ Trung-Mỹ và đã hoàn thành một cuốn sách có tựa đề *Hoạt động hạt nhân của Bắc Triều Tiên: An ninh khu vực và việc không phổ biến vũ khí* (2014) và một cuốn sách về tư duy quan hệ quốc tế của Reinhold Niebuhr (đang chờ duyệt). Ông Gregory J. Moore hiện là thành viên của Ủy ban Quốc gia Mỹ (US) về Quan hệ Mỹ-Trung và là thành viên cao cấp của Viện Chính sách Trung Quốc, Đại học Nottingham. Liên lạc với tác giả qua địa chỉ gregmoore0816@icloud.com.

Bài viết được đăng trên *Góc nhìn Châu Á số 42* (2018), 265–283

Tài liệu Tham khảo

Allison, Graham. 2015. “The Thucydides Trap: Are the US and China Headed for War?” *Atlantic Monthly*, 24/9, www.theatlantic.com.

Sáng kiến Minh bạch Biển Châu Á, 2016. “China’s New Spratly Island Defenses.” Center for Strategic and International Studies, Washington, D.C., 13/12, <https://amti.csis.org>.

Blackwill, Robert D., và Ashley J. Tellis. 2015. “Revising US Grand Strategy Toward China.” Council on Foreign Relations Special Report Số 72 (tháng 3).

Clapper, James. 2016. “Document: DNI Clapper Assessment of Chinese Militarization, Reclamation in South China Sea.” Thư của Giám đốc Cơ quan Tình báo James Clapper cho Thượng Nghị sĩ John McCain để trả lời câu hỏi của ông McCain, 23/2, <https://news.usni.org/>.

Collin, Koh Swee Lean. 2016. “Is China’s Militarization of the South China Sea Really ‘Defensive’?” *The National Interest*, 4/4, www.nationalinterest.org.

Cooper, Helene. 2016. “U.S. Demands Return of Drone Seized by Chinese Warship.” *New York Times*, 16/12, www.nytimes.com.

Denyer, Simon. 2015. “U.S. Navy Alarmed at Beijing’s ‘Great Wall of Sand’ in South China Sea.” *Washington Post*, 1/4, www.washingtonpost.com.

Erickson, Andrew. 2016. “Tribunal Rules: China’s South Sea Claims Don’t Hold Water.” *The National Interest*, 12/7, www.nationalinterest.com. Glaser, Bonnie S., và Evan S. Medeiros. 2007. “The Changing Ecology of Foreign Policy-Making in China: The Ascension and Demise of the Theory of ‘Peaceful Rise.’” *China Quarterly*, quyển 190 (tháng 6), tr 291–310.

Gries, Peter Hays. 2005. *China’s New Nationalism: Pride, Politics and Diplomacy*. Berkeley: University of California Press.

Harding, Harry. 2015. “Has US China Policy Failed?” *Washington Quarterly*, quyển 138, số 3 (Mùa thu), tr. 95–122.

Hayton, Bill. 2014. *The South China Sea: The Struggle for Power in Asia*.

Kindle ed. New Haven: Yale University Press, 2014.

Hobsbawm, Eric. 1987. *The Age of Empire: 1875–1914*. New York: Pantheon, tr 312, trích trong Wikipedia, “Otto von Bismarck,” https://en.wikipedia.org/wiki/Otto_von_Bismarck#cite_ref-2.

Hu, Jintao. 2008. “Hu Jintao’s Speech at Boao Forum,” *Xinhua/China Daily*, 13/4, www.chinadaily.com.cn.

Kaplan, Robert. 2015. *Asia’s Cauldron: The South China Sea and the End of a Stable Pacific*. New York: Random House.

Lee, Mingjiang. 2012. “China’s Rising Maritime Aspirations: Impact on Beijing’s Good-Neighbour Policy.” *RSIS Commentaries* số 053/2012, Nanyang Technological University, 28/3.

- Madsen, Richard. 1995. *China and the American Dream: A Moral Inquiry*. Berkeley: University of California Press.
- Moore, Gregory J. 2010. “Not Very Material but Hardly Immaterial: China’s Bombed Embassy and Sino-American Relations.” *Foreign Policy Analysis*, quyển 6, số 1, tr 23–41.
- . 2014. “1914, Air Sea Battle, and Sino-American Security Relations: Advantage Offense!” China Policy Institute Blog, University of Nottingham, 22/11, <http://blogs.nottingham.ac.uk/chinapolicyinstitute>.
- . 2017. “Avoiding a Thucydides Trap in Sino-American Relations (. . . and 7 Reasons Why That Might Be Difficult).” *Asian Security*, quyển 13, số 2, tr 98–115.
- Navarro, Peter. 2015. *Crouching Tiger: What China’s Militarism Means for the World*. Amherst, NY: Prometheus Books.
- Permanent Court of Arbitration. 2016. “Press Release: The South China Sea Arbitration, the Republic of the Philippines v. the People’s Republic of China.” The Hague, 12/7, <https://pca-cpa.org>.
- Pillsbury, Michael. 2016. *The Hundred-Year Marathon: China’s Secret Strategy to Replace America as the Global Superpower*. New York: St. Martins Griffin.
- Qi, Hao. 2015. “China Debates the ‘New Type of Great Power Relations.’” *Chinese Journal of International Politics*, quyển 8, số 4 (tháng 12), tr 349–370.
- State Council Information Office of the People’s Republic of China. 2017. “White Paper on Security Cooperation in the Asia-Pacific.” 11/1, <http://english.gov.cn>.
- Valencia, Mark. 2017. “(Mis)Construing China’s Threat to the South China Sea.” *East Asia Forum*, May 2, www.eastasiaforum.org.
- Xi, Jinping. 2013. “Xi Jinping gaikuo ZhongMei xinxing daguo guanxi, bu chongtu, bu duikang, xianghu zunzhong, hezuo gongying” [Ông Tập tóm lược mối quan hệ Mỹ - Trung kiểu mới là không xung đột, không đối đầu, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi]. *Xin-huanet*, 10/6, <http://news.xinhuanet.com> (tìm trong Qi [2015], ở trên).
- . 2014. “Achieving Rejuvenation Is the Dream of the Chinese People.” 29/11/2012, tìm trong Tập Cận Bình, *The Governance of China* (Beijing: Foreign Languages Press, 2014), tr 37–40.
- . 2017. “Secure a Decisive Victory in Building a Moderately Prosperous Society in All Respects and Strive for the Great Success of Socialism with Chinese Characteristics for a New Era.” Báo cáo tại Đại hội Đảng lần thứ 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bắc Kinh, 18/10, www.chinadaily.com.cn.
- Zhang, Yunbi. 2012. “Mutual Respect Stressed.” *China Daily*, 31/5, www.chinadaily.com.cn.
- Zheng, Bijian. 2005. “China’s ‘Peaceful Rise’ to Great-Power Status.” *Foreign*

Affairs (September/October), www.foreignaffairs.com/articles/asia/2005-09-01/chinas-peaceful-rise-great-power-status.

Zirulnick, Ariel. 2012. "China, Philippines Dispute Raises Tensions in the South China Sea." *Christian Science Monitor*, 11/4, www.csmonitor.com.

Tuấn Đình (dịch)
Trần Quang (hiệu đính)

www.nghiencuubiendong.vn